

Số: 39/2022/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 10 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1992.
HKTT và trú tại: Xóm SK, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn H, sinh năm 1983.
HKTT và trú tại: Xóm SK, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Căn cứ vào Điều 146, 147, 212, 213, 482, 483 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị S và anh Lương Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hoàng Thị S và anh Lương Văn H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

+ **Về con chung:** Chị Hoàng Thị S và anh Lương Văn H xác định có 02 con chung là Lương Thị Thu A, sinh ngày 12/8/2011 và Lương Thị Huyền B, sinh ngày 09/6/2014

Khi ly hôn chị S và anh H thỏa thuận: Anh Lương Văn H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Lương Thị Thu A, sinh ngày 12/8/2011 và Lương Thị Huyền B, sinh ngày 09/6/2014 đến khi hai con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi các bên có sự thay đổi khác.

* **Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị Hoàng Thị S tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng để cùng anh Lương Văn H nuôi hai con chung. Cụ thể 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/tháng cấp dưỡng nuôi con Lương Thị Thu A và 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/tháng cấp dưỡng nuôi con Lương Thị Huyền B.

Thời điểm chị S cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày 01/7/2022.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, khi anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị S không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên thì hàng tháng chị S còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 về lãi suất trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

* **Quyền đi lại thăm nom con chung:** Chị Hoàng Thị S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

+ **Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay:** Chị Hoàng Thị S và anh Lương Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ **Về Án phí:** Chị Hoàng Thị S tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vào Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số **005261 ngày 15/02/2022** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã HT, huyện Đ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, bộ phận HNGĐ.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Mai Thị Hồng Thái

